| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2025
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngôn Ngọc Viên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Lam

2. Bà Hoàng Thị Hường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 30-12-2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1982; HKTT: Thôn P, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Vắng mặt có lý do.

Chỗ ở hiện tại: Số A, đường D, L, thành phố D, huyện Y, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, sinh 08/7/1997; Địa chỉ: Số B đường P, phường M, quận B, thành phố Hà Nội;

***-Bị đơn:*** Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm P, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn Q kết hôn từ đầu năm 2006 hôn nhân được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn.*

Chị Bùi Thị H trình bày:

Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì sinh cháu Hoàng Q1, đến cuối năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q chơi bời không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe nên 02 vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặt khác, giữa chị và anh Q thường xuyên có những bất đồng về kinh tế nợ nần nên mỗi khi nhắc đến hai vợ chồng lại xảy ra cãi vã.

Năm 2009, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Hưng Yên được một vài tháng thì chị lại về nhà anh Q và tha thứ cho anh. Sau nhiều lần nhẫn nhịn đề gia đình hạnh phúc, các con có đủ cả bố và mẹ nhưng tính cách anh Q không thay đổi, những bất đồng về quan điểm sống và những mâu thuẫn của vợ chồng thường xuyên xảy ra nên chị đã quyết định bỏ về ở cùng với chị gái của mình ở Tuyên Quang từ năm 2012. Kể từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không còn về sống chung cùng anh Q nữa. Năm 2022, chị xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng hai vợ chồng vẫn không nói chuyện với nhau và cũng không còn tình cảm để hàn gắn. Tình cảm vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hoàng Q1, sinh ngày 02/10/2006. Nếu ly hôn chị tự nguyện chu cấp cho cháu theo khả năng và theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đối với anh Hoàng Văn Q vào ngày 06/12/2024, có nội dung như sau: Anh Hoàng Văn Q cùng nhất trí về tình trạng hôn nhân như chị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi con chung là cháu Hoàng Q1 được 3 tuổi, chị H đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, không liên lạc về với gia đình, từ

đó sống ly thân. Từ ngày ly thân chúng tôi không liên lạc với nhau, tôi không rõ chị H sinh sống làm việc tại đâu. Nay chị H yêu cầu ly hôn, tôi cùng nhất trí thuận tình ly hôn với yêu cầu của chị H. Về con chung: Cháu Hoàng Q1, sinh ngày 02/10/2006, đến nay đã tròn 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp tiếp cân công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và lời trình bầy của đương sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có ý kiến như sau:

Về mối quan hệ: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn Q kết hôn ngày 6/1/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên, sau khi kết hôn 2 người sinh sống tại xóm P, xã K, huyện T, tỉnh CB, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q chơi bời không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thường xuyên bất đồng về kinh tế.

Năm 2012 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2022 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã có đơn xin ly hôn với anh Q. Tại biên bản lấy lời khai ngày 6/12/2024 của Hoàng Văn Q đã nhất trí ly hôn.

Về con chung: có 01 con là cháu Hoàng Q1, sinh ngày 02/10/2006 hiện nay cháu đã đủ 18 tuôi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên xác nhận không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị HDXX: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 94; Điều 96; Điều 97; khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Công nhận chị Bùi Thị H được thuận tình ly hôn với anh Hoàng Văn Q

- Về con chung: đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét

- Tài sản chung, nợ chung: không có

- Án phí: chị Bùi Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy nguyên đơn đang cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự phù hợp với điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn Q trên cơ sở được tìm hiểu có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khi anh chị có con chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị H cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Q. Anh Q nhận thấy chị H không còn tình cảm với anh nữa, cuộc hôn nhân giữa anh chị không còn biện pháp khắc phục, anh Q cùng nhất trí được thuận tình ly hôn với chị Bùi Thị H1. HĐXX xét thấy tình cảm mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận cho chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn Q được thuận tình ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 53, 54, 55 Luật hôn nhân gia đình 2014

[4] Về con chung: Cháu Hoàng Q1 sinh ngày 02/10/2006, đã đủ 18 tuổi, do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều cho rằng không có, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 29, 33, 38, 51, 53, 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn Q được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Cháu Hoàng Q1 đã đủ 18 tuổi, do đó không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng tại biên lai số 0000025 ngày 17-10-2024 tại cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, do đó hoàn trả cho chị H 300.000đ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Nhật Quang, Phù Cừ, Hưng Yên (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- VKSND tỉnh CB
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngôn Ngọc Viên**